



NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Vùng ven biển tỉnh Nghệ An gồm huyện Nghi Lộc, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, thị xã Cửa Lò và thị xã Hoàng Mai với 34 xã, phường, thị trấn giáp biển; tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.296,6 km²; bờ biển dài 82 km với diện tích vùng biển khoảng 4.230 hải lý vuông; dân số 1.003.358 người, chiếm khoảng 29,4% dân số toàn tỉnh. Đến nay, vùng ven biển được mở rộng thêm thành phố Vinh theo Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Những năm qua, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW), cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân các huyện, thị xã ven biển đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đạt được những kết quả tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2018 - 2021 của vùng ven biển đạt 6,85%; giá trị tăng thêm bình quân đầu người vùng ven biển năm 2021 đạt 41,72 triệu đồng. Công tác quy hoạch được triển khai tích cực, làm định hướng cho sự phát triển của vùng. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư xây dựng, góp phần cải thiện vị trí địa kinh tế, tạo diện mạo mới, tác động lâu dài tới sự phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển. Đời sống của người dân ven biển được cải thiện rõ rệt. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và ngoài nước về biển đảo được chú trọng. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh, chưa có tính đột phá, tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế hằng năm còn thấp. Công tác quy hoạch khu kinh tế ven biển chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thu hút các nhà đầu tư có quy mô lớn vào phát triển kinh tế biển còn gặp khó khăn. Ứng dụng khoa học, công nghệ vào các hoạt động kinh tế biển chưa

cao. Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển. Phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đạt yêu cầu.

Các tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chính là do nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp về vị trí, vai trò của biển, phát triển bền vững kinh tế biển chưa đầy đủ. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ở một số cấp ủy, chính quyền còn thiếu thường xuyên, quyết liệt. Chính sách thu hút đầu tư còn phân tán; chưa phát huy, khai thác tối đa hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương. Vốn đầu tư thực hiện các công trình kinh tế trọng điểm tại vùng ven biển chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển còn thiếu cả trong lĩnh vực quản lý nhà nước và lực lượng lao động các ngành kinh tế biển.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển kinh tế biển là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của vùng ven biển, huy động tối đa các nguồn lực để tạo đột phá về phát triển bền vững kinh tế biển; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, hệ thống đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Phát triển kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái biển, gắn với việc giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển, xây dựng xã hội gắn kết, thân thiện với biển. Tăng cường liên kết các ngành, lĩnh vực kinh tế biển, phát triển kinh tế biển theo hướng tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Lấy khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao làm nhân tố đột phá. Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản, đào tạo nguồn nhân lực về biển, kết hợp huy động các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước. Tăng cường quản lý về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đảo. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tốc độ xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh mạnh về kinh tế biển của vùng Bắc Trung Bộ, đạt các tiêu chí về phát triển kinh tế biển bền vững, đóng góp lớn cho nguồn ngân sách tỉnh, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Đẩy nhanh xây dựng, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, dịch vụ logistics, khu đô thị, khu du lịch ven biển theo hướng tiếp cận mô hình sinh thái, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; hình thành văn hoá biển, phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Mục tiêu vùng ven biển đến năm 2025

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 10,5 - 11,5%. Cơ cấu kinh tế: nông, lâm, thủy sản đạt 11 - 12%; công nghiệp, xây dựng đạt 41 - 42%; dịch vụ đạt 47 - 48%. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 106 triệu đồng.

- Về xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 0,34%.

- Về môi trường: Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 98%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị đạt 97%, tại khu vực nông thôn đạt 70%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90%.

- Một số chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng kinh tế biển và các ngành trọng tâm phát triển: Xây dựng và hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng khu bến chính cảng nước sâu Cửa Lò; xây dựng cơ bản hoàn thiện tuyến đường ven biển Nghi Sơn - Cửa Lò; tỷ trọng đóng góp kinh tế ngành du lịch vùng ven biển chiếm hơn 50% kinh tế ngành du lịch toàn tỉnh; tổng sản lượng khai thác thủy sản biển và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển ước đạt khoảng 209.000 tấn.

2.2.2. Mục tiêu vùng ven biển đến năm 2030

- Về kinh tế: Kinh tế ước đạt khoảng 57 - 60% GRDP của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 12,5 - 13,5%. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, thủy sản đạt 7 - 8%; công nghiệp, xây

đựng đạt 43 - 44% và dịch vụ đạt 49 - 50%. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 248 triệu đồng.

- Về xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 0,22%.

- Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng: 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt ở các địa phương ven biển được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường. Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo.

- Một số chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng kinh tế biển quan trọng và các ngành trọng tâm phát triển: Tiếp tục thu hút đầu tư nâng cấp, mở rộng khu bến cảng Cửa Lò, một số bến của khu bến cảng Đông Hội. Hoàn thành nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Vinh. Tỷ trọng đóng góp kinh tế ngành du lịch vùng ven biển chiếm hơn 75% kinh tế ngành du lịch toàn tỉnh. Tổng sản lượng khai thác thủy sản biển và nuôi trồng thủy sản vùng ven biển ước đạt 227.000 tấn.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Định hướng đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh mạnh về kinh tế biển, phát triển bền vững. Kinh tế biển đóng góp quan trọng vào GRDP của tỉnh, có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn với các khu kinh tế, công nghiệp ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các hệ sinh thái biển được bảo tồn và phát huy. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân đạt mức cao. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững kinh tế biển

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền trong việc triển khai thực hiện phát triển bền vững kinh tế biển. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân giám sát và phản biện xã hội trong việc thực hiện Nghị quyết.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phát triển bền vững kinh tế biển và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Rà soát, hoàn thiện thể chế chính sách về biển trên địa bàn tỉnh bảo đảm tính khả thi, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi các quy hoạch, kế hoạch theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển. Sớm hoàn thành Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm tích hợp đồng bộ các lĩnh vực và phù hợp với việc phát triển liên kết vùng theo định hướng tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tích cực phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên gắn với xây dựng, phát triển các đô thị biển, các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển

3.1. Phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình trọng tâm như cảng nước sâu Cửa Lò, Cảng hàng không quốc tế Vinh, đường ven biển, đường giao thông Vinh - Cửa Lò, các trục đường ngang... Đồng thời, tiếp tục phát triển các khu công nghiệp ven biển như VSIP Nghệ An II ở Diễn Châu, mở rộng khu công nghiệp WHA ở Nghi Lộc và phát triển các khu công nghiệp Hoàng Thịnh Đạt I, II ở thị xã Hoàng Mai. Thu hút các nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp hiện đại, bảo đảm hạ tầng và bảo vệ môi trường, gắn với mở rộng, phát triển khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế năng động, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao trong khu vực Bắc Trung Bộ.

- Tập trung thu hút đầu tư vào vùng ven biển gắn với ban hành chính sách thực hiện thuận lợi. Phát huy vai trò trọng yếu của vận tải biển trong kết nối Nghệ An với thị trường quốc tế. Phát triển các cảng biển tổng hợp, trong đó đẩy mạnh phát triển khu bến Đông Hội trong vai trò đảm nhận phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, hỗ trợ khu bến Nam Nghi Sơn để hình thành cụm cảng Nghi Sơn - Đông Hội. Phát triển hạ tầng các cảng biển và các dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic đa dạng, hiện đại, trở thành ngành dịch vụ chủ lực vùng ven biển.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch biển, đô thị ven biển trên cơ sở bảo vệ, thực hiện tốt quy hoạch, bảo đảm quỹ đất để phát triển công nghiệp, đô thị, du

lịch một cách hài hòa. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các trung tâm, khu du lịch ven biển, có sự liên kết vùng như Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh. Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề sang các hoạt động du lịch biển.

- Phát triển nghề cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản ven biển, tập trung vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ chế biến xuất khẩu. Tăng cường đầu tư các cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và hậu cần nghề cá.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản ở các địa phương có biển. Ưu tiên tìm kiếm, thăm dò đánh giá trữ lượng khoáng sản ở vùng biển Nghệ An.

- Nghiên cứu tính khả thi và triển khai khi có điều kiện đối với việc phát triển điện gió và điện mặt trời vùng ven biển. Nghiên cứu phát triển một số ngành kinh tế như dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển hoặc gắn với các hoạt động bảo vệ rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển hiện có nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

3.2. Phát triển các đô thị biển và hành lang kinh tế biển phía Đông

- Phát triển các đô thị biển: (1) Phát triển thành phố Vinh đặt trong mối quan hệ tổng thể, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các huyện, thị xã trong tỉnh, các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và giữ vai trò đầu tàu trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Mở rộng không gian đô thị Vinh để trở thành đô thị biển hiện đại, văn minh và giàu mạnh. (2) Phát triển thị xã Hoàng Mai gắn với đề án mở rộng khu kinh tế Đông Nam và huyện Quỳnh Lưu theo hướng đô thị, dịch vụ, công nghiệp cảng, kết nối phát triển với khu kinh tế Nghi Sơn, trở thành vùng động lực phát triển kinh tế biển quan trọng của khu vực phía Bắc tỉnh Nghệ An. (3) Phát triển huyện Diễn Châu trở thành đô thị dịch vụ trung tâm vùng phía Đông tỉnh Nghệ An với các chức năng về dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch, dịch vụ công cộng chất lượng cao và trở thành thị xã, đô thị loại III vào năm 2030.

- Đẩy mạnh phát triển hành lang kinh tế biển phía Đông gắn với trục Quốc lộ 1, cao tốc Bắc Nam, đường ven biển, đường sắt quốc gia và đường biển, có sự liên kết với các hành lang kinh tế còn lại làm động lực phát triển của tỉnh.

4. Phát triển toàn diện nguồn nhân lực biển, khoa học, công nghệ gắn với phát huy giá trị văn hóa, con người vùng ven biển; tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, đảo, nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ biển, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo

đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của kinh tế biển. Phát huy giá trị văn hóa, con người vùng ven biển; khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển quê hương; xây dựng môi trường và đời sống văn hóa vùng ven biển phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế.

- Kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường đối với dự án đầu tư vùng ven biển. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Quan tâm bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa, di tích, đa dạng sinh học và hệ sinh thái vùng ven biển.

- Chú trọng điều tra cơ bản biển, hải đảo, trong đó, tập trung điều tra, phát hiện, đánh giá, dự báo biến động điều kiện tự nhiên, văn hoá, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, năng lượng tái tạo, môi trường các vùng ven biển. Tăng cường quản lý nhà nước về biển, hải đảo.

5. Tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng ven biển

- Triển khai đồng bộ, thống nhất việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng vùng ven biển gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ các địa phương ven biển. Xây dựng các lực lượng quân sự, biên phòng, công an khu vực ven biển, đảo vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc chủ quyền, đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội vùng ven biển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội vùng ven biển. Chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để xảy ra bị động, bất ngờ thành điểm nóng, phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

6. Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế về kinh tế biển; huy động nguồn lực, khuyến khích phát triển mọi thành phần kinh tế

Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển. Tăng cường lồng ghép tuyên truyền, quảng bá về du lịch biển Nghệ An vào các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế với các địa phương, đối tác nước ngoài. Tăng cường, đổi mới việc thu hút, xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, có khả năng cạnh tranh cao để thu hút các nguồn lực từ các thành phần kinh tế nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế biển, trong đó tập trung ưu tiên nguồn lực để sớm hoàn thành các công trình trọng điểm ven biển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện hiệu quả Nghị quyết; tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo nghiên cứu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường giám sát của Hội đồng nhân dân đối với phát triển bền vững kinh tế biển.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong nhân dân về vị trí, vai trò của biển và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh đẩy mạnh vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW (đề b/c),
- Văn phòng TW Đảng (đề b/c),
- Ban CSĐ Bộ TN và MT (đề b/c),
- Các ban XĐĐ Tỉnh ủy,
- Ban cán sự đảng, đảng đoàn, sở, ban, ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Chánh, Phó CVP Tỉnh ủy,
- Phòng T.hợp VPTU (đ/c Thế),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. *Trần*

T/M BAN THƯỜNG VỤ
SÂN .BÍ THƯ



Thái Thanh Quý

Thái Thanh Quý